



**SEAPRODEX**

**BÁO CÁO** | **2018**  
**THƯỜNG NIÊN**

**NỘI DUNG BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

---

**03 GIỚI THIỆU SEAPRODEX**

---

- 03 Thông tin chung về SEAPRODEX
- 04 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 05 Quá trình hình thành và phát triển của Seaprodex
- 06 Mô hình quản lý
- 07 Mô hình quản trị
- 08 Công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác
- 14 Định hướng phát triển
- 15 Các rủi ro

**16 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

---

- 16 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
- 18 Tổ chức và nhân sự
- 21 Tình hình hoạt động & tài chính các công ty con, công ty liên kết
- 23 Tình hình tài chính
- 25 Thông tin cổ đông và cổ phần

**27 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- 27 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018
- 27 Đánh giá tình hình tài chính
- 30 Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2019

**31 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SEAPRODEX**

---

- 31 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động SEAPRODEX
- 32 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động BTGD
- 32 Định hướng, kế hoạch của Hội đồng quản trị

**33 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

- 33 Hội đồng quản trị
- 35 Ban Kiểm soát
- 35 Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BKS và TGD
- 36 Thực hiện quy định về quản trị công ty

**36 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

- 36 Ý kiến của Kiểm toán
- 37 Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán

**38 PHỤ LỤC**

---

- 38 Phụ lục 1

## I - GIỚI THIỆU SEAPRODEX

---

### THÔNG TIN CHUNG VỀ SEAPRODEX

┐ Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CTCP
┐ Tên tiếng Anh: CORPORATION	VIETNAM SEAPRODUCTS JOINT STOCK
┐ Tên viết tắt:	SEAPRODEX
┐ Vốn điều lệ:	1.250.000.000,000 VND
┐ Vốn Chủ sở hữu:	1.322.500.984.026 VND
┐ Địa chỉ trụ sở chính:	2-4-6 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
┐ Mã số doanh nghiệp:	0310475210
┐ Chủ tịch HĐQT:	NGUYỄN QUỐC HUY
┐ Tổng giám đốc:	MAI XUÂN PHONG
┐ Điện thoại:	(+84) 8 3829 1924
┐ Fax:	(+84) 8 3829 0146
┐ Website:	<a href="http://www.seaprodex.com">www.seaprodex.com</a> ; <a href="http://www.seaprodex.vn">www.seaprodex.vn</a>
┐ Mã cổ phiếu:	SEA
┐ Công ty kiểm toán:	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
┐ Tổng số cổ phần:	125.000.000 cổ phần
┐ Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần

└ Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến Thủy sản xuất khẩu;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Cơ khí đóng tàu;
- Kinh doanh thương mại;
- Sản xuất công nghiệp khác (thức ăn thủy sản, ...);
- Dịch vụ;
- Lĩnh vực khác.

└ Địa bàn kinh doanh

SEAPRODEX có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh, 01 văn phòng đại diện, 02 chi nhánh và hệ thống công ty con, liên kết với phạm vi hoạt động trải dài 05 vùng lãnh thổ:

- Đồng bằng Bắc Bộ (Hà Nội, Hải Phòng);
- Duyên hải Miền Trung (Đà Nẵng);
- Đông Nam bộ (thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu);
- Tây Nam Bộ (Cà Mau);
- Tây Nguyên (Lâm Đồng);

Các cơ sở sản xuất kinh doanh của SEAPRODEX tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn là trung tâm kinh tế và xã hội của các khu vực, có giao thông thuận lợi, kinh tế phát triển, có nguồn nguyên vật liệu dồi dào và chất lượng.

40

SEAPRODEX, tiền thân là Công ty Xuất khẩu Hải sản được thành lập theo Quyết định 155/CP ngày 26/6/1978 của Hội đồng Chính phủ, đã có hơn 37 năm hình thành và phát triển, với 03 giai đoạn tiêu biểu:

**Giai đoạn 1978 - 1990: Đơn vị kinh tế tiên phong vận hành quản lý theo cơ chế tự cân đối và trang trải**

Với nhiệm vụ kinh tế là thống nhất các đầu mối, đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản trong bối cảnh ngành thủy sản đang vận hành theo cơ chế hành chính bao cấp, SEAPRODEX là đơn vị tiên phong vận hành kinh tế theo cơ chế mới và đạt được thành quả tích cực. Kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục từ 22,1 triệu USD vào năm 1982 đến 115 triệu USD vào năm 1990. Các giải thưởng quốc tế tiêu biểu:

- International Award "Tradition and Prestice 86" – Madrid 11/1986;
- International Award for the Technological Innovation – Munich 10/1987;
- Grand Prix Best Quality and Service – Madrid 4/1988; 4/1989;
- Grand Prix International Oscar for Enterprises 1990.

**Giai đoạn 1991 – 2000: Phát triển thành Tổng công ty và vận hành quản lý theo cơ chế thị trường**

Năm 1995, SEAPRODEX chuyển sang mô hình hoạt động Tổng Công Ty theo theo Quyết định số 909 QĐ/TCCB-LĐ ngày 18/11/1995 của Bộ Thủy sản thành lập Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổng công ty theo Nghị định 90/CP. Tổng số các đơn vị thành viên của SEAPRODEX gần 30 trên khắp cả nước, với 150 triệu USD giá trị xuất khẩu thủy sản, 6.000 tỷ đồng tổng doanh thu và nộp ngân sách nhà nước hàng năm 230 tỷ đồng.

Trong 2 năm 1999 - 2000, SEAPRODEX đã quyết định cổ phần hóa hai Công ty con là Công ty Đồ Hộp Hạ Long và Công ty Kỹ Nghệ Lạnh.

**Các giải thưởng tiêu biểu 1991 - 2000:**

- Huân chương Độc lập hạng ba do Đảng và Nhà nước trao tặng năm 1998;
- Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2008 (Tạp chí Thương hiệu Việt).

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SEAPRODEX**

**Giai đoạn 2001 – 2015: Tái cơ cấu chuyên đổi mô hình hoạt động**

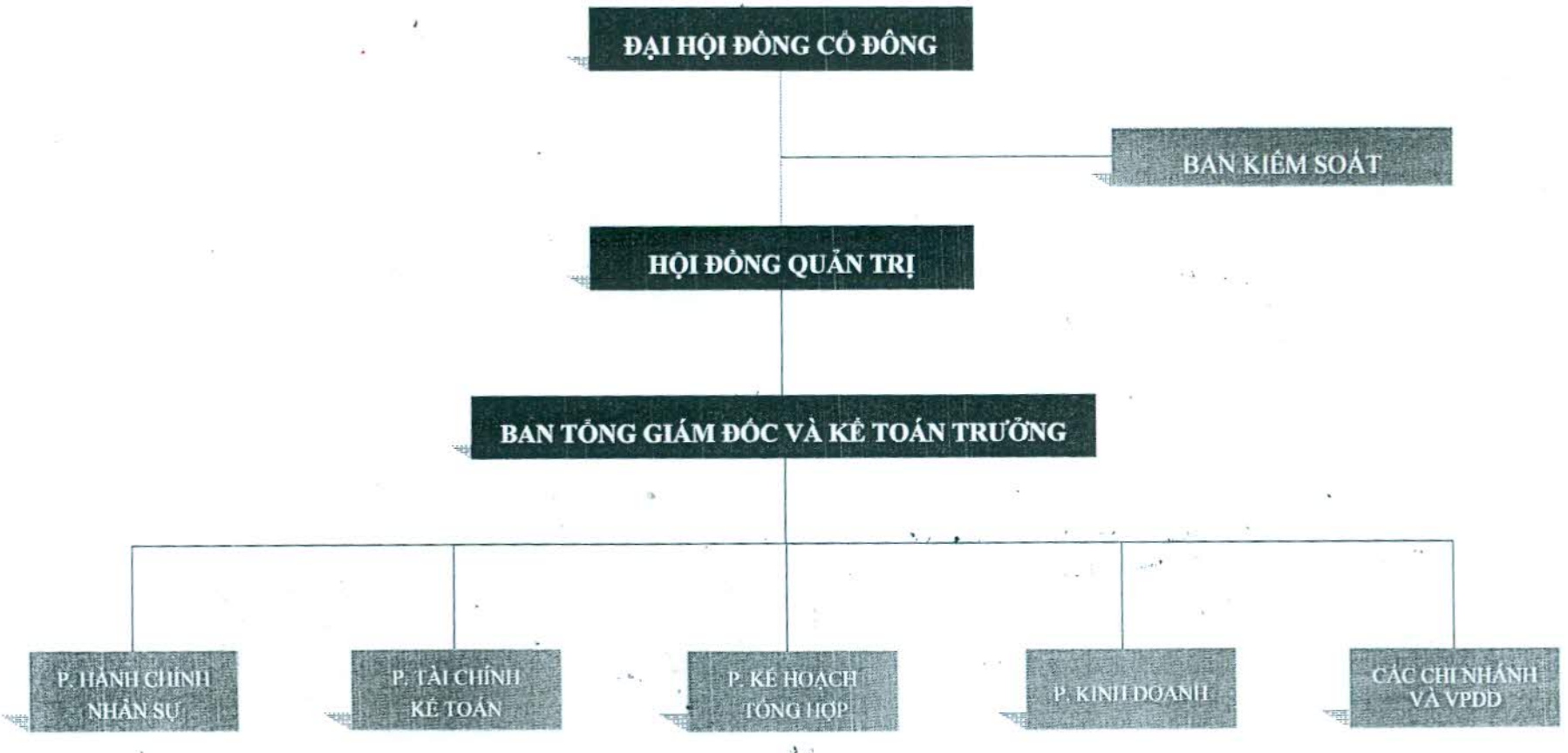
Năm 2003, mô hình tổ chức và hoạt động được chuyển đổi thành "Công ty mẹ – con" theo Quyết định số 243/2003/QĐ-TTg ngày 17/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2010, mô hình tổ chức và hoạt động chính thức được đổi tên thành Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (SEAPRODEX) theo Quyết định số 1592/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/6/2010 của Bộ NN và PTNT

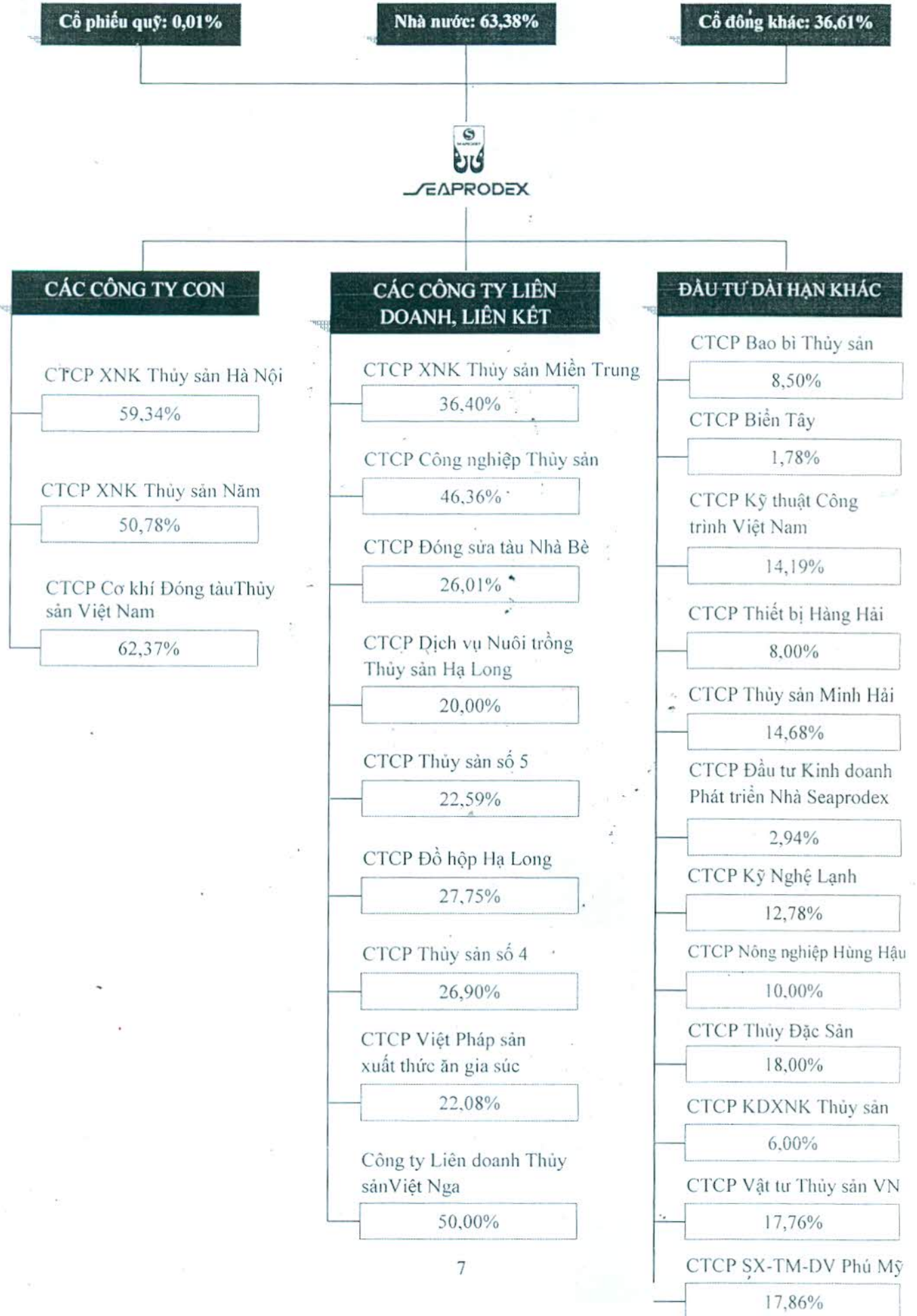
Ngày 14/3/2011, SEAPRODEX được tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất: Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, Tổng công ty Hải sản Biển đông và Tổng công ty Thủy sản Hạ Long theo Quyết định 456/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14/3/2011 của Bộ NN&PTNT).

Ngày 17/4/2015, chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310745210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thương hiệu SEAPRODEX được công nhận và bảo hộ bởi Tổ chức thế giới về Quyền sở hữu trí tuệ OMPI – Geneve (Thụy Sĩ), EU, Mỹ và khu vực Châu Á.

MÔ HÌNH QUẢN LÝ



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



**Công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng công ty đang đầu tư vốn tại 24 Công ty, trong đó gồm 03 Công ty con, 09 Công ty liên doanh liên kết và 12 Công ty đầu tư tài chính.

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp Tổng công ty		
					Vốn thực góp (đồng)	Vốn mệnh giá (đồng)	%/VĐL
<b>I. CÔNG TY CON</b>							
1	CTCP XNK Thủy Sản Hà Nội	20 Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội	Sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu; kinh doanh vật tư tổng hợp; cho thuê tài sản, văn phòng	100.000.000.000	31.450.200.000	59.340.000.000	59,34
2	CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản (tôm sinh thái)	50.000.000.000	79.223.570.400	25.392.170.000	50,78
3	CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	02 Phan Đình Phùng, P.Hạ Lý, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng, Việt Nam	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện đường thủy; kinh doanh khai thác cầu cảng; sản xuất gia công giấy vàng mã xuất khẩu; kinh doanh dịch vụ tổng hợp	56.249.660.000	38.085.190.987	35.082.000.000	62,37
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>148.758.961.387</b>	<b>119.814.170.000</b>	



STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp Tổng công ty		
					Vốn thực góp (đồng)	Vốn mệnh giá (đồng)	%/VĐL
<b>II. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT</b>							
1	CTCP XNK Thủy sản Miền Trung	01 Bùi Quốc Hưng, P.Thọ Quang, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng, Việt Nam	Chế biến xuất khẩu thủy sản; kinh doanh vật tư nhập khẩu; sản xuất, kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản; cho thuê kho lạnh	120.000.000.000	10.918.845.000	43.675.380.000	36,4
2	CTCP Công Nghiệp Thủy Sản	244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; kinh doanh, cho thuê cầu cảng, kho bãi	42.000.000.000	4.867.500.000	19.470.000.000	46,4
3	CTCP Đóng sửa tàu Nhà Bè	16/8B Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền; gia công, chế tạo thiết bị cơ khí tàu thuyền	5.000.000.000	2.822.244.376	1.300.500.000	26,01
4	CTCP Dịch vụ Nuôi Trồng Thủy sản Hạ Long	08 Nguyễn Công Hoan, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; kinh doanh xâm nhập khẩu; sản xuất và kinh doanh con giống, vật tư cho nghề nuôi trồng thủy sản	32.000.000.000	7.055.024.691	6.400.000.000	20,00
5	Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh, chế biến thủy sản	80.000.000.000	4.994.824.935	40.000.000.000	50,00

6	CTCP Thủy sản số 5	Lô A38/II đường số 2, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Q.Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán thủy hải sản; gia công chế biến xuất khẩu thủy sản	30.682.570.000	9.362.396.255	6.930.000.000	22,59
7	CTCP Đồ hộp Hạ Long	71 Lê Lai, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam	Chế biến các mặt hàng thủy sản và các sản phẩm thực phẩm khác; Đóng hộp, chế biến tổng hợp các mặt hàng thủy sản	50.000.000.000	36.071.360.000	13.873.600.000	27,75
8	CTCP Thủy sản số 4	320 Hưng Phú, P.9, Q.8, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu các mặt hàng thủy hải sản (chủ yếu cá tra), nông sản, súc sản	161.606.460.000	39.992.400.000	43.470.000.000	26,90
9	CTCP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất thức ăn gia súc; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất và kinh doanh con giống, vật tư cho nghề nuôi trồng thủy sản	1.582.770.360.000	546.897.499.662	349.450.580.000	22,08
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>662.982.094.919</b>	<b>524.570.060.000</b>	

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp Tổng công ty		
					Vốn thực góp (đồng)	Vốn mệnh giá (đồng)	%/VĐ L
<b>III. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC</b>							
1	CTCP Bao bì Thủy sản	T326 Ấp Tiên Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và mua bán bao bì, giấy, nhựa; Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị ngành bao bì, giấy nhựa	2.000.000.000	148.403.919	170.000.000	8,50
2	CTCP Biển Tây	793/49/1 Trần Xuân Soạn, P.Tân Hưng, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp các nguyên liệu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản; cung cấp các hóa chất xử lý nước	26.345.910.000	455.000.000	470.020.000	1,78
3	CTCP Kỹ thuật công trình Việt Nam	Số 9 Đường Phạm Văn Đồng, P.Mai Dịch, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội, Việt Nam.	Xây lắp, cơ điện, kỹ nghệ lạnh, xử lý nước thải; tư vấn thiết kế và thi công hệ thống cơ điện các công trình dân dụng và công nghiệp	30.000.000.000	6.505.488.945	4.256.000.000	14,19
4	CTCP Thiết bị Hàng Hải	22-24-26 Mạc Thị Bưởi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Khai thác, cung cấp, xuất khẩu vật tư, thiết bị điện tử, vô tuyến điện cho ngành hàng hải	15.000.000.000	1.307.080.395	1.200.000.000	8,00
5	CTCP Thủy sản Minh Hải	2231 Quốc lộ 1A, xã Tân Phong, huyện Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Nuôi trồng, khai thác, thu mua, sản xuất và chế biến, xuất khẩu thủy sản	80.999.510.000	26.220.102.358	11.893.830.000	14,68

6	CTCP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà Seaprodex	87 Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	San lấp mặt bằng, xây dựng nhà ở, xây dựng công trình	68.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2,94
7	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	Lầu 14 tòa nhà VP Centec Tower, số 72-74, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lắp đặt hệ thống xây dựng, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động thiết kế chuyên dụng	324.953.970.000	53.249.400.000	41.520.000.000	12,78
8	CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu	1004 A, Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản; kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản; lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện; kinh doanh bất động sản	199.070.530.000	22.522.500.000	19.897.390.000	10,00

9	CTCP Thủy Đặc Sản	213 Hòa Bình, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thu mua nguyên liệu thủy hải sản, chế biến và xuất khẩu thực phẩm đóng hộp, gia công xúc xích; kinh doanh bất động sản	108.000.000.000	23.144.531.354	19.440.000.000	18,00
10	CTCP Kinh doanh XNK Thủy sản	03 Nguyễn Văn Cừ, P.1, Q.5, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, bột cá, bột tôm, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh dịch vụ kho bãi mặt bằng	31.500.000.000	1.254.969.616	1.890.000.000	6,00
11	CTCP Vật Tư Thủy Sản Việt Nam	226 Lê Lai, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh XNK vật tư, thiết bị, sắt thép Inox	9.000.000.000	995.940.542	1.598.680.000	17,76
12	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	7/10B Huỳnh Tấn Phát, P.Phú Thuận, Q.7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh nước hoa, mua bán hóa chất và phụ tùng trong công nghiệp chế biến (mặt hàng keo và dầu màu)	14.000.000.000	553.333.272	2.500.000.000	17,86
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>138.356.750.401</b>	<b>106.835.920.000</b>	
<b>TỔNG ĐẦU TƯ TẠI CTY CON, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH</b>					<b>950.097.806.707</b>	<b>751.220.150.000</b>	

### 7 Mục tiêu chủ yếu

- Giữ vững và tiếp tục phát triển thương hiệu SEAPRODEX tại thị trường thủy sản nội địa và quốc tế.
- Phát triển hiệu quả hệ thống các đơn vị thành viên, trực thuộc, công ty con và tái cơ cấu hợp lý danh mục đầu tư vào công ty liên kết, các Dự án theo Chiến lược của SEAPRODEX.
- Tái cơ cấu mạnh mẽ ngành nghề SEAPRODEX. Kết hợp hài hòa giữa việc tập trung phát triển các sản phẩm chế biến, công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng cao với việc mở rộng ngành nghề kinh doanh khác theo hướng hiệu quả và quản trị rủi ro.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vào mục đích phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận. Đảm bảo lợi ích của cổ đông, quyền lợi và thu nhập cho người lao động. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
- Mở rộng và xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược, gắn kết với các đối tác trong và ngoài khu vực, quốc tế.

### 7 Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Hướng ứng, phổ biến rộng rãi các chính sách môi trường do Cơ quan Nhà nước ban hành cho cán bộ nhân viên để thực hiện nghiêm túc và kịp thời các chủ trương, chính sách về môi trường.
- Gắn kết và chia sẻ thành công với cộng đồng, xã hội.

### 7 Chiến lược phát triển theo ngành nghề kinh doanh

Ngành kinh doanh	Định hướng phát triển
<b>I. Chế biến thủy sản xuất khẩu</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>■ Tiếp tục phát triển sản phẩm Tôm sinh thái cỡ lớn và xây dựng vùng nguyên liệu ổn định lâu dài.</li><li>■ Tập trung giữ vững cơ cấu xuất khẩu vào 02 thị trường chính là EU và Nhật Bản.</li><li>■ Nghiên cứu tăng tỷ lệ đầu tư vào các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của ngành là Tôm và cá Tra, cá Basa.</li></ul>
<b>II- Kinh doanh thương mại</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>■ Quy hoạch lại toàn bộ hoạt động kinh doanh nhập khẩu từ khâu xây dựng kế hoạch kinh doanh, phương thức kinh doanh, thị trường, các chỉ tiêu hiệu quả.</li><li>■ Nghiên cứu sản phẩm nhập khẩu phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản.</li></ul>
<b>III- Kinh doanh bất động sản</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>■ Thực hiện cơ cấu các hoạt động kinh doanh khai thác bất động sản thành ngành kinh doanh chính.</li></ul>

### III-Cơ khí đóng tàu

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác các sản phẩm: văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ, cơ sở sản xuất và quyền sử dụng đất.
- Đa dạng hóa các hình thức quản lý khai thác dự án phù hợp với từng ngành nghề trình độ kinh doanh.
- Khai thác triệt để các lợi thế dự án theo mục đích sử dụng gắn với phát triển các lĩnh vực kinh doanh có giá trị gia tăng cao.
- Ưu tiên các dự án SEAPRODEX trực tiếp đầu tư trên cơ sở phải đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án.
- Cùng cố và tập trung chính vào sản phẩm đóng mới tàu đánh cá vỏ thép hoạt động xa bờ.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển các ngành nghề liên quan trực tiếp đến ngành nghề kinh doanh chính.
- Giảm dần quy mô đầu tư vào cơ khí đóng tàu và chấm dứt hoạt động kinh doanh vào lĩnh vực này trước năm 2020.

### IV-Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác

- Tổ chức lại sản xuất nuôi cá Tầm thương phẩm theo hướng cơ cấu lại mô hình quản lý theo đặc điểm của nghề nuôi.
- Cùng cố, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển thị trường phục vụ hoạt động đưa người lao động ra làm việc có thời hạn tại nước ngoài. Chú trọng thị trường có nhu cầu lao động trình độ cao.
- Nghiên cứu thị trường, xây dựng chương trình kế hoạch đầu tư phát triển vào lĩnh vực sản-xuất nông nghiệp. Hợp tác đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ y tế và dịch vụ du lịch theo hướng chuyên ngành và chuyên sâu.

### CÁC RỦI RO

- ⌋ Xuất khẩu thủy sản Việt Nam hiện còn đối mặt với nhiều rào cản, như “rào cản kỹ thuật”.
- ⌋ Sản lượng cung cấp thủy sản của thế giới tăng bình quân hiện tại vẫn thấp hơn tăng trưởng của nhu cầu thủy sản. Nhiều khả năng trong tương lai nguồn cung thủy sản toàn cầu sẽ không đáp ứng đủ nhu cầu.
- ⌋ Vấn đề con giống, thức ăn, nuôi trồng đang có nhiều điểm bất cập, ảnh hưởng đến tính ổn định và chất lượng nguồn nguyên liệu.
- ⌋ Dịch bệnh thường xuyên đe dọa tạo ra sự thiếu hụt nguyên liệu cho chế biến, gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp.
- ⌋ Thách thức vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

7 Những thuận lợi, khó khăn; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Năm 2018, Ngành Thủy sản và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh thủy sản bên cạnh những kết quả tích cực như xuất khẩu đạt trên 8,8 tỷ USD, tăng gần 6% so với cùng kỳ; vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như diễn biến thời tiết mưa bão bất thường, tình hình an ninh trên biển diễn biến phức tạp, các thị trường nhập khẩu liên tục đưa ra các rào cản, yêu cầu kỹ thuật và cảnh báo khắt khe về kiểm soát an toàn vệ sinh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong đó thị trường EU tiếp tục phạt cảnh báo “thẻ vàng” đối với các loại hải sản đánh bắt tự nhiên của Việt Nam...; trong nước giá mua nguyên liệu tôm nuôi, cá tra và các loại hải sản tăng mạnh do nguồn cung không ổn định trong khi chi phí sản xuất (lãi suất ngân hàng, tiền lương, phí kiểm tra...) đều tăng đã gây áp lực lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả của hầu hết các doanh nghiệp.

Theo đó Tổng Công ty cũng gặp những khó khăn, thuận lợi tương tự ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình trước và sau khi Tổng Công ty được chuyển giao Đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và thực hiện tái cơ cấu vốn nhà nước tại Tổng Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% TH18 / KH18
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>				
	<b>Nuôi trồng thủy sản (Cá Tầm)</b>				
1	Sản lượng	Tấn	117,77	129,19	109,70
2	Giá trị	Tỷ đồng	20,08	21,67	107,91
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>182,75</b>	<b>172,49</b>	<b>94,38</b>
	Trong đó :				
1.1	Doanh số xuất khẩu	Tỷ đồng	24,95	2,83	11,34
1.2	Vật tư nhập khẩu & KD nội địa	Tỷ đồng	60,00	57,77	96,29
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>28,80</b>	<b>32,68</b>	<b>113,48</b>



└ Ban Điều hành SEAPRODEX

**Ông Mai Xuân Phong**  
*Tổng Giám đốc*

- Sinh năm: 1973
- Thạc sỹ Quản lý Hành chính Công
- Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2012
- Được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ tháng 10 năm 2018.
- Kiêm giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng, Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Thủy sản Hà Nội, Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Thủy sản, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đồ Hộp Hạ Long.

**Ông Trần Mạnh Hữu**  
*Phó Tổng Giám đốc*

- Sinh năm: 1978
- Cử nhân Tài chính kế toán
- Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2018
- Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 10 năm 2018.
- Kiêm giữ chức vụ Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung.

**Ông Nguyễn Thành Trung**

*Kế toán trưởng*

- Sinh năm: 1981
- Cử nhân kế toán, Luật học
- Bắt đầu làm việc tại SEAPRODEX từ 2012.
- Được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng từ tháng 4 năm 2018.
- Kiêm giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát CTCP XNK Thủy sản Hà Nội, Trưởng ban Kiểm soát CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam, Trưởng BKS CTCP Công nghiệp Thủy sản.

└ Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Ban Điều hành (thời điểm 31/12/2018)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Mai Xuân Phong	1973	Tổng Giám đốc	5.000	0.00
2	Trần Mạnh Hữu	1978	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Nguyễn Thành Trung	1981	Kế toán trưởng	0	0

## 7 Tình hình nhân sự (31/12/2018)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2018, Tổng số nhân sự của SEAPRODEX là 78 người với cơ cấu như sau:

Phân loại theo trình độ	Số lượng (người)
■ Trên đại học	05
■ Đại học, cao đẳng	42
■ Trung cấp	07
■ Lao động phổ thông	24
<b>Tổng cộng:</b>	<b>78</b>

- Thu nhập bình quân người lao động năm 2018: 9.726.000 VND/tháng

Trong năm qua 2018, SEAPRODEX đã ban hành một số chính sách quan trọng đối với người lao động, cụ thể:

- Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương mới áp dụng trong Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP, áp dụng từ ngày 01/01/2018 và thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định.
- Ban hành Quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập đối với người quản lý và người lao động Tổng công ty theo Quyết định số 13/QĐ-TSVN-HĐQT ngày 25/01/2018, áp dụng từ ngày 01/01/2018, thay thế Quy chế trước đó áp dụng từ ngày 01/7/2017.

Nhân sự các Phòng, ban tham mưu tiếp tục được sắp xếp theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt, chất lượng, hiệu quả hơn để phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty; Trong năm nhân sự giảm 10 và tuyển mới 14, việc giải quyết các chế độ chính sách thực hiện đúng quy định, theo hướng có lợi cho người lao động.

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG & TÀI CHÍNH  
CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%/VDL)	Kết quả HĐ SXKD năm 2018		Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2018
				Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	
<b>I. CÔNG TY CON</b>						
1	CTCP XNK Thủy Sản Hà Nội	100.000.000.000	59,34	196,304,209,013	11,958,389,642	121,738,496,727
2	CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	50.000.000.000	50,78	772,171,157,238	12,393,181,022	82,001,111,814
3	CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	56.249.660.000	62,37	120,497,682,392	1,023,081,377	58,344,726,977
<b>II. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT</b>						
1	CTCP XNK Thủy sản Miền Trung	120.000.000.000	36,4	883,523,525,374	1,724,902,139	138,581,256,553
2	CTCP Công Nghiệp Thủy Sản	42.000.000.000	47,9	38,508,640,371	10,581,159,041	(98,308,311,331)
3	CTCP Đóng sửa tàu Nhà Bè	5.000.000.000	26,32	11,434,797,513	(856,625,434)	11,362,577,106
4	CTCP Dịch vụ Nuôi Trồng Thủy sản Hạ Long	32.000.000.000	20,00	169,590,419,868	1,539,292,315	37,078,017,542
5	Liên doanh Thủy sản Việt Nga	80.000.000.000	50,00	Đang thực hiện các thủ tục để tiến hành giải thể.		
6	CTCP Thủy sản số 5	29.221.500.000	22,59	107,552,775,052	6,498,183,451	47,575,431,880
7	CTCP Đồ hộp Hạ Long	50.000.000.000	27,75	484,494,496,292	(2,421,459,105)	107,915,302,521
8	CTCP Thủy sản số 4	161.606.460.000	27,08	1,617,417,167,277	9,893,369,967	269,616,073,615
9	CTCP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	1.582.770.360.000	22,08	10,778,057,922,469	776,544,400,173	5,824,804,504,718
<b>III. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH</b>						

1	CTCP Bao bì Thủy sản	2.000.000.000	8,50	Chưa có BCTC 2018		
2	CTCP Biển Tây	26.345.910.000	1,78	Tạm ngưng hoạt động		
3	CTCP Kỹ thuật công trình Việt Nam	30.000.000.000	15,56	Chưa có BCTC 2018		
4	CTCP Thiết bị Hàng Hải	15.000.000.000	8,00	152.163.755.567	9.354.453.543	
5	CTCP Thủy sản Minh Hải	80.999.510.000	14,68	795.033.024.427	10.244.100.523	202.527.305.054
6	CTCP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà Seaprodex	68.000.000.000	2,94	Tạm ngưng hoạt động		
7	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	243.749.160.000	12,78	506,667,536,007	1,767,015,997,023	83,478,635,852
8	CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu	104.553.710.000	9,995	275,176,781,503	1,036,784,886,206	24,303,105,936
9	CTCP Thủy Đặc Sản	108.000.000.000	18,00	551,519,499,822	20,196,571,319	136,398,629,609
10	CTCP Kinh doanh XNK Thủy sản	31.500.000.000	6,00	Chưa có BCTC 2018		
11	CTCP Vật Tư Thủy Sản Việt Nam	9.000.000.000	17,76	Chưa có BCTC 2018		
12	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	14.000.000.000	17,86	Chưa có BCTC 2018		

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
**(31/12/2018)**

1. *Tình hình tài chính tại Công ty mẹ*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2017 (VNĐ)</b>	<b>Năm 2018 (VNĐ)</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	1.613.524.658.900	1.640.775.929.036	1,69%
Tổng doanh thu và thu nhập khác	203.031.160.012	172.406.105.638	-15,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.221.144.147	32.324.263.036	14,54%
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>545.055.267</b>	<b>357.990.703</b>	<b>-34,32%</b>
Lợi nhuận trước thuế	28.766.199.414	32.682.253.739	13,61%
Lợi nhuận sau thuế	28.766.199.414	32.682.253.739	13,61%

2. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0.26	0.39
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.22	0.36
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.18	0.19
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.23	0.24
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	14.99	10.39
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.09	0.08
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.19	0.27
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.19	0.27

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

### Thông tin cổ phần:

Vốn điều lệ	1.250.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Tổng số cổ phần đã phát hành	125.000.000 cổ phần
Cổ phần phổ thông	124.995.500 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyên nhượng	29.000 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	9.500 cổ phần

### 7 Thông tin cổ đông và cổ phần:

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu (theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/4/2019): 272 cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	03	121.103.000	96,88
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	1	1.856.900	1,49
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	268	2.030.600	1,62
4	Cổ phiếu quỹ		9.500	0,01
	<b>Tổng:</b>	<b>272</b>	<b>125.000.000</b>	<b>100</b>

- Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu (theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/4/2019): 272 cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông trong nước	269	124.987.499	99,99%
	<i>Trong đó</i>			
	Cá nhân	262		21,61%
	Tổ chức	06	18.745.990	15,00%
	Nhà nước	01	79.228.000	63,38%
2	Cổ đông nước ngoài	03	3.001	0,00%
3	Cổ phiếu quỹ		9.500	0,01%
	<b>Tổng:</b>	<b>272</b>	<b>125.000.000</b>	<b>100%</b>

- Danh sách cổ đông lớn từ 10% trở lên thời điểm 01/4/2019 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/4/2019 và công bố thông tin của cổ đông lớn)

STT	Tên tổ chức cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	79.228.000	63,38%
2	Ngô Minh Anh	25.125.000	20,1%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Anh Tú	16.750.000	13,4%
	<b>Tổng:</b>	<b>121.103.000</b>	<b>96,88%</b>

#### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018 tình hình chung của Công ty mẹ vẫn được duy trì ổn định tuy còn một số tồn tại, vướng mắc trên một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh (xuất khẩu thủy sản, kinh doanh vật tư ...) song bằng nỗ lực Tổng Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch doanh thu; lợi nhuận trước thuế đạt và vượt 13,48% kế hoạch. Công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, tiền lương chặt chẽ gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao.

Các Công ty con hoạt động bình thường; các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt tiến độ đề ra. Tổng doanh thu đạt 90,97% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 134,88% kế hoạch. Trong đó các đơn vị có hoạt động sản xuất chế biến thủy sản duy trì được doanh số và hiệu quả tương đối tốt nhưng chưa ổn định, rủi ro cao do tình hình thị trường và nguyên liệu còn tiếp tục diễn biến phức tạp; các đơn vị hoạt động cơ khí đóng sửa tàu thuyền thủy sản hiện còn tiếp tục khó khăn do Nghị định 17/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP về chính sách phát triển thủy sản chưa thật sự tạo động lực, cơ chế chính sách tốt hơn để khuyến khích, hỗ trợ bà con ngư dân đóng mới tàu cá.

#### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### 7 Tình hình tài sản cố định

- Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo đúng qui định tại thông tư 45/2013/TT-BTC và thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC.

##### 7 Tình hình đầu tư XDCB:

- Trong năm không phát sinh.

##### 7 Tình hình nợ phải thu

- Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2018 là 29.933.568.767 đồng, chiếm 1,82 % tổng tài sản, trong đó nợ phải thu khó đòi là 4.761.117.729 đồng.
- Trong năm, Tổng công ty đã lập hội đồng thẩm định để xử lý công nợ phải thu khó đòi và trích lập dự phòng là: 4.706.991.779 đồng.
- Việc quản lý nợ phải thu theo đúng qui định quản lý nợ tại nghị định 206/2013/NĐ-CP, trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC và thông tư 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC. Tổng Công ty theo dõi công nợ từng khách hàng, thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ, đối với công nợ luân chuyển bình thường, các khách hàng đều xác nhận nợ đầy đủ.
- Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý, Tổng công ty vẫn tiếp tục theo dõi ngoài bảng.



### 7 Tình hình nợ phải trả

- Tổng số nợ phải trả đến 31/12/2018 là 318.274.945.010 đồng, chiếm 19,40% tổng nguồn vốn. Trong đó chủ yếu là:
  - Vay của Công ty cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 số tiền là: 250.000.000.000 đồng để nộp tiền quyền sử dụng khu đất 2-4-6 Đồng khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

Phải trả người bán	:	195.884.900 đồng
--------------------	---	------------------
  - Phải trả người lao động : 4.267.405.713 đồng
  - Chi phí lãi vay phải trả : 35.903.423.025 đồng
  - Phải trả khác : 27.908.231.372 đồng
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (318.274.945.010/ 1.322.500.984.026): 0,24 lần <3 lần. Đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty nằm trong giới hạn cho phép.
- Đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả thông qua các chỉ tiêu:
  - Khả năng thanh toán hiện thời: 0,39 lần;
  - Khả năng thanh toán nhanh: 0,36 lần.
- Tổng công ty không có công nợ phải trả quá hạn, việc quản lý nợ phải trả theo từng đối tượng, đúng qui định, các đơn vị thực hiện đối chiếu số dư nợ cuối năm.

### 7 Bảo toàn và phát triển vốn

- Tổng công ty thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn theo quy định, đến 31/12/2018 dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư ra ngoài: 16.804.769.900 đồng, dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi: 4.706.991.779 đồng theo quy định tại thông tư 89/2013/TT-BTC. Sau khi trích đủ các khoản dự phòng, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty vẫn có lãi, được thể hiện thông qua hệ số bảo toàn vốn:

$H = 1.322.500.984.026 / 1.316.255.140.258 = 1,005 > 1$  : **Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.**

- Công tác quản lý, sử dụng và phân phối các nguồn lực: Tổng công ty chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý vốn, tài sản được giao. Công ty mẹ hoạt động kinh doanh có lãi, vốn đầu tư được bảo toàn và phát triển.

## CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### 7 Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty đến 31/12/2018 bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, 03 phòng nghiệp vụ, Văn phòng đại diện tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc.

## 7 Chính sách, quản lý

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tổ chức ngày 29/6/2018; Điều lệ hoạt động của SEAPRODEX; HĐQT và Ban điều hành đã ban hành các Nghị quyết, quyết định để quản lý, điều hành mọi hoạt động của Tổng công ty có hiệu quả, đúng quy định pháp luật. Hệ thống các quy chế, quy định tại Tổng công ty được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

## DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

### 7 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% KH19 / TH18
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>				
	<b>Nuôi trồng thủy sản (Cá Tầm)</b>				
1	Sản lượng	Tấn	129,19	137,07	106,10
2	Giá trị	Tỷ đồng	21,67	22,75	104,98
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>172,49</b>	<b>218,30</b>	<b>126,56</b>
	Trong đó :				
1.1	Doanh số xuất khẩu	Tỷ đồng	2,83	34,87	1.232,59
1.2	Vật tư nhập khẩu & KD nội địa	Tỷ đồng	57,77	72,00	124,63
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>32,68</b>	<b>36,00</b>	<b>110,15</b>

#### IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SEAPRODEX

##### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SEAPRODEX

Năm 2018, tình hình chung của Tổng công ty vẫn tiếp tục ổn định, hoàn thành kế hoạch năm do Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy vậy, bên cạnh khó khăn khách quan chung của doanh nghiệp Ngành thủy sản và đối với Tổng công ty luôn trong tình trạng chờ tiến độ thoái vốn Nhà nước nên đã ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả của một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh (đầu tư, cơ cấu lại danh mục, sản xuất và xuất khẩu thủy sản...) trong bối cảnh tình hình trước và sau khi Tổng Công ty được chuyển giao Đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, tiền lương chặt chẽ gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao.

Tổng công ty cũng đã hoàn tất việc xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản pháp lý hành chính và quản trị nội bộ của công ty cổ phần. Tổng công ty cũng đã thực hiện công bố thông tin; tổ chức niêm yết, giao dịch trên sàn UPCOM và thực hiện xây dựng đề án tái cơ cấu danh mục đầu tư của Tổng công ty giai đoạn 2019 - 2020 theo yêu cầu của cổ đông lớn Nhà nước - Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

#### 1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Kết quả năm 2018	Tỷ lệ TH / KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	182,75	172,49	94%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	153,95	139,81	91%
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,80	32,68	113%

#### 2. Hoạt động đầu tư:

Gồm 02 hoạt động: Đầu tư tài chính và đầu tư phát triển, cụ thể:

##### a. Về đầu tư tài chính:

Tính đến 31/12/2018 Tổng công ty đang đầu tư vốn tại 24 Công ty với tổng giá trị vốn đầu tư là 950,1 tỷ đồng, chiếm 76,01% vốn điều lệ của Tổng công ty, trong đó:

+ Công ty con: 03 Công ty – giá trị đầu tư: 148,76 tỷ đồng

+ Công ty liên kết: 09 Công ty – giá trị đầu tư: 662,98 tỷ đồng

+ Công ty đầu tư tài chính: 12 Công ty – giá trị đầu tư: 138,36 tỷ đồng

Năm 2018 Tổng công ty ghi nhận cổ tức được chia là 45,20 tỷ đồng, đạt 178,20% kế hoạch (thực tế đã thu 24,11 tỷ đồng).

Việc theo dõi, nắm bắt và chỉ đạo người đại diện vốn tại các đơn vị trong năm 2018 tiếp tục thực hiện chặt chẽ, kịp thời; trong đó tập trung chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng Công ty thực hiện quyền cổ đông tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và các cuộc họp Hội đồng quản trị tại các đơn vị đảm bảo lợi ích của SeaproDEX và các cổ đông khác và tuân thủ quy định của luật pháp.

##### b. Về đầu tư phát triển:

Hiện Tổng Công ty có 07 dự án đầu tư đã triển khai các thủ tục pháp lý sử dụng đất và đầu tư để thực hiện, trong đó:

- 02 dự án đang được tiếp tục thực hiện, gồm:

+ Dự án tại Khu đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi hợp khối với Khu đất 21 Ngô Đức Kế:

Đang chờ của cấp có thẩm quyền rà soát, hướng dẫn thực hiện theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn để hoàn tất hồ sơ, thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi và hướng dẫn thủ tục xây dựng và thẩm duyệt phương án giá đất tại Khu đất số 21 Ngô Đức Kế để có cơ sở triển khai dự án đầu tư.

+ Dự án số 2 Ngô Gia Tự, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội:

Tổng Công ty phối hợp với Công ty TNHH Tài Tâm Long Biên đã hoàn tất hồ sơ xin giao đất, xin phép xây dựng; đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chuẩn bị mặt bằng dự án và các thủ tục có liên quan để có thể khởi công Công trình đảm bảo đúng quy định.

- 05 dự án trước mắt tạm dừng, giữ nguyên trạng chờ phương án tái cơ cấu thoái vốn của Tổng Công ty, chỉ rà soát thực hiện các thủ tục pháp lý chuyển đổi quyền sử dụng đất/Giấy chứng nhận đầu tư từ Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CT TNHH MTV sang Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP, gồm:

+ Tại khu đất số 7 Nơ Trang Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại khu đất 78-80-82 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu.

+ Tại khu đất 211 Nguyễn Thái Học, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại khu đất 97/6 Kinh Dương Vương Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại khu đất 173 Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

c. Tình hình tái cơ cấu:

Không thực hiện từ tháng 8/2015 đến nay trong thời gian chờ thoái vốn Nhà nước.

Tháng 10/2018, phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Theo yêu cầu của Cổ đông lớn Nhà nước SCIC, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tiến hành xây dựng Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2019 - 2020 để trình Thủ tướng xem xét quyết định.

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trong năm 2018, hoạt động Tổng công ty gặp nhiều khó khăn do những nguyên nhân khách quan, như: việc tạm dừng thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư tại các công ty con, liên kết và đầu tư dài hạn theo chủ trương của các cơ quan nhà nước nên công tác điều hành hoạt động sản xuất của Ban Tổng giám đốc cũng đã chịu ảnh hưởng khá lớn.

Theo số liệu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018, cho thấy mặc dù có những khó khăn như trên nhưng Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực chủ động đề xuất và triển khai thực hiện các chủ trương từ HĐQT, linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Tổng công ty. Sự phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện chặt chẽ, kịp thời để nắm bắt và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết:

- + Ban Tổng giám đốc đã triển khai tốt các chủ trương từ HĐQT.
- + Đối với việc ra quyết định trong công tác điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc luôn kịp thời đề xuất tham mưu.
- + Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, các Thành viên Ban Tổng giám đốc thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tốt, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và thực hiện báo cáo HĐQT theo quy định

## **KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chỉ đạo triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trình ĐHQĐ thông qua, tập trung vào các vấn đề trọng yếu sau:

- Tiếp tục tổ chức lại bộ máy các Phòng, Ban, Chi nhánh trực thuộc theo hướng gọn nhẹ, đồng thời định biên, bố trí lại lao động phù hợp bộ máy nhằm tăng hiệu suất làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.
- Nếu được được phép của các cơ quan nhà nước, tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tái cơ cấu vốn đầu tư, tiếp tục thoái vốn theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, có nguy cơ mất vốn cao hoặc có tổng giá trị đầu tư lớn nhưng có kế hoạch không chia cổ tức trong 5 năm từ năm 2015,...
- Đẩy mạnh khai thác và gắn kết hợp lý giữa tổ chức kinh doanh, khai thác đất đai, tài sản với triển khai các Dự án đầu tư, không ảnh hưởng đến tiến độ Dự án và xem xét, nghiên cứu các Dự án, nâng cao hiệu quả hoạt động tại các công ty con.

7 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2018)
1	Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 32.500.000 CP (26,00%) Bổ nhiệm ngày 15/10/2018
2	Ông Mai Xuân Phong	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 5.000 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 15.478.000 CP (12,38%) Bổ nhiệm ngày: 29/06/2018
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 31.250.000 CP (25,00%) Bổ nhiệm ngày: 15/10/2018
4	Ông Trần Hoàng Lâm	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Bổ nhiệm ngày: 15/10/2018
5	Ông Trương Bảo Kim	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP
6	Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 33.275.760 CP (26,62%) Miễn nhiệm ngày: 08/09/2018
7	Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 30.106.640 CP (24,08%) Miễn nhiệm ngày: 08/09/2018
8	Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho Cổ đông Nhà nước: 15.845.600 CP (12,68%) Miễn nhiệm ngày: 15/10/2018

7 Hoạt động Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Có/ Không có lý do vắng
1	Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch	1/5	20%	Bổ nhiệm ngày 15/10/2018
2	Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	3/5	60%	Bổ nhiệm ngày 29/6/2018
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	1/5	20%	Bổ nhiệm ngày 15/10/2018
4	Ông Trần Hoàng Lâm	Thành viên	1/5	20%	Bổ nhiệm ngày 15/10/2018
5	Ông Trương Bảo Kim	Thành viên	3/5	60%	02 cuộc họp vắng không lý do
6	Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	4/5	80%	Miễn nhiệm ngày: 08/09/2018
7	Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên	4/5	80%	Miễn nhiệm ngày: 08/09/2018
8	Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	4/5	80%	Miễn nhiệm ngày: 15/10/2018

7 Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Các thành viên không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động SEAPRODEX, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của SEAPRODEX.

**BAN KIỂM SOÁT**

7 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Thành viên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (31/12/2018)
1	Ông Trần Phước Thái	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/6/2017 Sở hữu cá nhân: 4.500 CP
2	Ông Đinh Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/6/2017 Sở hữu cá nhân: 0 CP
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29/6/2018

4	Ông Đinh Tiến Long	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15/10/2018
5	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	Từ nhiệm ngày 20/3/2018 Sở hữu cá nhân: 0 CP

#### 7 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty;
- Thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của Ban điều hành;
- Giám sát tình hình sử dụng vốn, theo dõi luân chuyển vốn và tài sản của công ty;
- Đề xuất công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam để Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Tổng công ty.

### GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 7 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD

*Xem Phụ lục 1 – Báo cáo Thường niên 2018*

### THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Việc công bố thông tin không để xảy ra chậm trễ và thiếu sót.

## VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN



Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện. Báo cáo tài chính được chấp nhận toàn phần. Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu của tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Tổng hợp.

**Tuy nhiên, kiểm toán viên đã có phần nhấn mạnh vấn đề sau:**

Như đã trình bày tại mục 4.2 trong thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn về khoản thu nhập liên quan khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May với tổng giá trị là 15.000.000.000 VND mà Tổng Công ty chưa ghi nhận vào sổ sách kế toán. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

7 Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán: Được đăng tải trên website SEAPRODEX: [www.seaprodex.com](http://www.seaprodex.com).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Mai Xuân Phong*  
**Mai Xuân Phong**

**PHỤ LỤC 1:**  
**LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT 2018**

Đơn vị tính: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch		25,000,000	25,000,000	Tham gia từ 15/10/2018
2	Mai Xuân Phong	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	500,020,984	42,000,000	542,020,984	Tham gia từ 01/7/2018, Phụ trách HĐQT từ 8/9 -14/10/2018, PTGD từ 01/01-15/10/2018; TGD từ 16/10/2018
3	Trần Hoàng Lâm	Thành viên HĐQT	124,569,477		124,569,477	Tham gia từ 15/10/2018
4	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT		17,500,000	17,500,000	Tham gia từ 15/10/2018
5	Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	291,687,045		291,687,045	Từ nhiệm từ 8/9/2018
6	Trần Tấn Tâm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	288,948,000	57,590,909	346,538,909	Từ nhiệm từ 8/9/2018; Thôi TGD từ 16/10/2018
7	Nguyễn Văn Tân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	202,794,318	66,500,000	269,294,318	Từ nhiệm từ 15/10/2018; Thôi Phó TGD từ 16/10/2018
8	Trương Bảo Kim	Thành viên HĐQT		84,000,000	84,000,000	

<b>Ban Điều hành</b>						
II						
1	Trần Mạnh Hữu	Phó Tổng giám đốc	124,569,477		124,569,477	Bỏ nhiệm từ 22/10/2018
2	Nguyễn Thành Trung	Kế toán trưởng	301,723,800		301,723,800	Bỏ nhiệm từ 01/4/2018
3	Thái Bá Nam	Phó Tổng giám đốc	202,794,318		202,794,318	Thôi Phó TGD từ 16/10/2018
4	Bùi Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	64,504,000		64,504,000	Nghỉ hưu từ 01/4/2018
<b>Ban Kiểm soát</b>						
III						
1	Trần Phước Thái	Trưởng Ban	295,567,260		295,567,260	
2	Đình Nguyễn Quốc Huy	Thành viên		48,000,000	48,000,000	
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên		24,000,000	24,000,000	Tham gia từ 29/6/2018
4	Đình Tiến Long	Thành viên		10,000,000	10,000,000	Tham gia từ 15/10/2018
5	Nguyễn Thành Trung	Thành viên		12,000,000	12,000,000	Từ nhiệm từ 20/3/2018